UBND HUYỆN CHƯ SÊ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020

Số: 06 /TB-HĐTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chư Sê, ngày 22 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi (vòng 2), danh mục tài liệu, giới hạn ôn tập, thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 huyện Chư Sê

Thực hiện Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020; Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên của huyện năm 2020;

Xét báo cáo của Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi.

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Chư Sê năm 2020 thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi (vòng 2), danh mục tài liệu, giới hạn ôn tập, thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 huyện Chư Sê, cụ thể như sau:

I. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, không đủ điều kiện dự thi (vòng 2) tại kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 huyện Chư Sê:

(có danh sách kèm theo)

Đề nghị các thí sinh có tên trong danh sách đủ điều kiện dự thi vòng 2 kiểm tra, rà soát lại các thông tin cá nhân của mình. Nếu có sai sót hoặc thắc mắc đề nghị phản ánh về Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Chư Sê năm 2020 (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 04/5/2021. Sau thời gian nêu trên nếu không có thí sinh nào phản ánh thì Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Chư Sê sẽ sử dụng thông tin trong danh sách, hồ sơ để làm căn cứ thi tuyển.

II. Danh mục tài liệu, giới hạn ôn tập:

(kèm theo Thông báo)

III, Thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 2:

1. Thời gian:

- Thí sinh có mặt tại địa điểm thi để học quy chế thi và xem số báo danh, phòng thi vào lúc 15h00 ngày 08/5/2021.

- Thời gian thi: 01 buổi (sáng ngày 09/5/2021).

2. Địa điểm: Trường Trung học cơ sở Dân tộc Nội trú huyện Chư Sê.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 thông báo để thí sinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Ban Giám sát;
- Công an huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- TT VHTT&TT (đưa tin);
- Lưu: VT, HĐTD.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

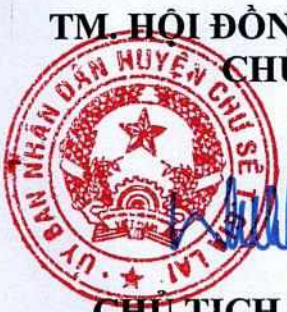

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Đình Huấn

UBND HUYỆN CHƯ SÊ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020

Địa chỉ dự tuyển: huyện Chư Sê, tỉnh Gia lai

(Kèm theo Thông báo số 06 / TB-HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên)

STT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*12*	*13*	*14*	*15*	*20*	*21*	*22*	*24*
1	Nguyễn Thị Mỹ	An		28/03/1991	Kinh	Xuân Thọ 2 - Sông Cầu - Phú Yên	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
2	Nguyễn Thị Kim	Anh		01/07/1984	Kinh	Quảng Vinh - Quảng Xương - Thanh Hóa	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
3	Trần Thị Hồng	Cẩm		02/11/1993	Kinh	Thạch Kênh - Thạch Hà - Hà Tĩnh	ĐHSP Mầm non	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
4	Nguyễn Đăng Phương	Chi		20/06/1980	Kinh	Quỳnh Lâm - Quỳnh Phụ - Thái Bình	ĐHSP Mầm non	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
5	Trần Thị Mỹ	Công		25/03/1992	Kinh	Tam Quan - Hoài Nhơn - Bình Định	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB	BDNVQLGD		Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
6	Phạm Thị	Dân		21/7/1983	Kinh	Hoàng Hạnh - Ninh Giang - Hải Dương	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
7	Rah Lan H'	Đét		11/07/1992	Jrai	Dun - Chư Sê - Gia Lai	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB		DT	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
8	Nguyễn Thị	Điền		20/04/1990	Kinh	Ân Thạnh - Hoài Ân - Bình Định	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
9	Đồng Thị	Dịu		26/10/1989	Kinh	Quyết Thắng - Thanh Hà - Hải Dương	CĐSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B		Con TB	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
10	Nguyễn Quốc Thành	Dung		10/12/1991	Kinh	Cổ Bi - Cẩm Bình - Hải Dương	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
11	Trần Thị Mỹ	Dung		26/09/1990	Kinh	Cẩm Vịnh - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
12	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		06/05/1993	Kinh	Bình Mỹ - Bình Sơn - Quảng Ngãi	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
13	Võ Thị Hương	Giang		09/12/1988	Kinh	Phú Diên - Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
14	Lê Thị Thanh	Hà		21/01/1987	Kinh	Thanh Chương - Nghệ An	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	

STT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
15	Lê Thị Bích	Hằng		15/01/1992	Kinh	Mỹ Cát - Phù Mỹ - Bình Định	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
16	Phạm Thị	Hằng		23/01/1993	Kinh	Vạn Phúc - Ninh Giang - Hải Dương	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
17	Lại Thị Bích	Hảo		14/04/1999	Kinh	Châu Sơn - Kim Bảng - Hà Nam	CĐSP Mầm non	Anh A2	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
18	Nguyễn Thị	Hiền		12/10/1977	Kinh	Thạch Châu - Lộc Hà - Hà Tĩnh	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
19	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền		26/07/1996	Kinh	Nhơn Bình - Tuy Phước - Bình Định	CĐSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
20	Huỳnh Thị Ngọc	Hiền		05/09/1987	Kinh	An Nhơn - Bình Định	ĐHSP Mầm non	Anh A	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
21	Lê Thị Mỹ	Hiệp		26/09/1988	Kinh	Nhơn Hưng - An Nhơn - Bình Định	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
22	Ngô Thị	Hiệp		08/03/1991	Kinh	Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa	CĐSP Mầm non	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
23	Nguyễn Thị	Hồ		27/06/1980	Kinh	Yên Hồ - Đức Thọ - Hà Tĩnh	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB		Con TB	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
24	Hồ Thị Bích	Hoa		10/06/1997	Kinh	Triệu Dương - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	CĐSP Mầm non	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
25	Lê Thị	Hòa		20/05/1994	Kinh	Vinh Xuân - Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
26	Lương Thị Vân	Hồng		14/07/1998	Kinh	Triệu Sơn - Thanh Hóa	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
27	Huỳnh Thị Linh	Huệ		26/03/1994	Kinh	Quận 7 - TP HCM	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
28	Đỗ Thị	Kiều		08/06/1976	Kinh	Quỳnh Hải - Quỳnh Phụ - Thái Bình	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B	Jrai		Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
29	Trần Thị Mỹ	Lan		24/08/1989	Kinh	Tây Giang - Tây Sơn - Bình Định	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
30	Lê Thị Mỹ	Lệ		09/05/1998	Kinh	An Nhơn - Bình Định	CĐSP Mầm non	Anh A2	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
31	Nguyễn Thị Thùy	Linh		23/08/1993	Kinh	An Bài - Quỳnh Phụ - Thái Bình	ĐHSP Mầm non	Anh B1	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
32	Đoàn Thị Hoàng	Linh		28/01/1994	Kinh	Tam An - Tam Kỳ - Quảng Nam	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	

STT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
33	Nguyễn Thị Thùy	Linh		25/09/1996	Kinh	An Ấp - Quỳnh Phụ - Thái Bình	ĐHSP Mầm non	Anh A2	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
34	Ngô Nữ Diệu	Linh		09/04/1999	Kinh	Duy Xuyên - Quảng Nam	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
35	Nguyễn Thị	Loan		14/03/1978	Kinh	Hậu Thành - Yên Thành - Nghệ An	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
36	Hoàng Thị	Mai		30/10/1993	Kinh	Đức Chính - Cẩm Giàng - Hải Dương	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
37	Trần Thị Thanh	Nhi		12/08/1995	Kinh	Phù Mỹ - Mỹ Thành - Bình Định	CĐSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
38	Nguyễn Thị	Nhi		30/09/1994	Kinh	Ninh Thành - Ninh Giang - Hải Dương	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
39	Hàn Thị	Nhung		15/05/1985	Kinh	Hoằng Phượng - Hoằng Hóa - Thanh Hóa	CĐSP Mầm non	Anh A	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
40	Phạm Thị	Nữ		15/06/1990	Kinh	Vạn Phúc - Ninh Giang - Hải Dương	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
41	Kpuih H'	Oan		11/01/1995	Jrai	Ia Hla - Chư Pưh - Gia Lai	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB		DT	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
42	Hồ Thị Kim	Oanh		10/10/1982	Kinh	Quỳnh Hậu - Quỳnh Lưu - Nghệ An	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB		Con BB	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
43	Ksor	Pêh		19/08/1988	Jrai	Đức Cơ - Gia Lai	CĐSP Mầm non	Anh A2	Ứng dụng B		DT	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
44	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc		16/07/1993	Kinh	Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
45	Chu Thị	Phương		20/09/1988	Kinh	Kim Xá - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
46	Nguyễn Thị	Phượng		02/01/1990	Kinh	Thịnh Lộc - Lộc Hà - Hà Tĩnh	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
47	Nguyễn Thị Út	Phượng		02/07/1993	Kinh	Phước Hiệp - Củ Chi - TPHCM	CĐSP Mầm non	Anh A	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
48	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		10/02/1998	Kinh	Nhơn Hòa - An Nhơn - Bình Định	CĐSP Mầm non	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
49	Siu H'	Soan		17/6/1993	Jrai	H Bông - Chư Sê - Gia Lai	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B		DT	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
50	Lê Thị Tuyết	Sương		20/01/1987	Kinh	Hương Điền - TT Huế	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	

TT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
51	Phạm Thị	Tâm		15/08/1988	Kinh	Phù Cát - Bình Định	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
52	Nguyễn Thị	Tân		17/01/1979	Kinh	Vinh Thái - Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
53	Lê Thị	Thắm		12/06/1977	Kinh	Quảng Đức - Quảng Xương - Thanh Hóa	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
54	Phạm Thị	Thanh		25/05/1989	Kinh	Văn Giang - Ninh Giang - Hải Dương	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
55	Nguyễn Thị	Thảo		15/05/1996	Kinh	Tây Bình - Tây Sơn - Bình Định	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
56	Lê Thị Hồng	Thảo		01/02/1987	Kinh	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
57	Kpuih	Thèm		08/04/1994	Jrai	Ia Ko - Chư Sê - Gia Lai	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB		DT	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
58	Vũ Thị	Thời		08/08/1988	Kinh	Thọ Ngọc - Triệu Sơn - Thanh Hóa	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
59	Nguyễn Thị	Thu		11/07/1993	Kinh	Hồng Nam - Hương Yên	CĐSP Mầm non	Anh C	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
60	Nguyễn Thị	Thúy		02/07/1994	Kinh	Đoan Hùng - Hưng Hà - Thái Bình	CĐSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
61	Ngô Thị	Thúy		16/02/1990	Kinh	Duy Xuyên - Quảng Nam	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
62	Phạm Thị	Thùy		02/03/1998	Kinh	Vinh Xuân - Phú Vang - TT Huế	CĐSP Mầm non	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
63	Nguyễn Thị	Thùy		14/09/1993	Kinh	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
64	Lê Thị Thủy	Tiên		08/11/1987	Kinh	Thủy Dương - Hương Thủy - TT Huế	ĐHSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
65	Ngô Thị Kim	Toàn		07/11/1998	Kinh	Duy Xuyên - Quảng Nam	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
66	Ngô Phạm Hoàng	Trâm		02/11/1997	Kinh	Mộ Đức - Quảng Ngãi	CĐSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
67	Nguyễn Thị Thùy	Trang		16/04/1987	Kinh	Vĩnh Long - Vĩnh Linh - Quảng Trị	CĐSP Mầm non	Anh A	UDCN TTCB		Con TB	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
68	Siu-H'	Von		05/10/1993	Jrai	Chư Pơng - Chư Sê - Gia Lai	CĐSP Mầm non	Anh C	UDCN TTCB		DT	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	

STT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
69	Phạm Thị	Vỹ		06/01/1990	Kinh	Thạch Môn - TP Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	ĐHSP Mầm non	Anh B	UDCN TTCB		Con TB	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
70	Nguyễn Thị	Xuân		28/03/1993	Kinh	Tân Thành - Yên Thành - Nghệ An	CĐSP Mầm non	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.26	
71	Phan Thị Kim	Anh		18/06/1998	Kinh	Nguyên Giáp - Tứ Kỳ - Hải Dương	ĐHSP Tiểu học	Anh B3/6	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
72	Nguyễn Văn	Cường	07/10/1993		Kinh	Hợp Lý - Lý Nhân - Hà Nam	ĐHSP Tiểu học	Anh B1	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
73	Nguyễn Thị Hoàng	Diệu		17/04/1996	Kinh	Vinh Xuân - Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
74	Lê Thị	Dinh		23/03/1993	Kinh	Tân Châu - Khoái Châu - Hưng Yên	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
75	Trần Thị Mỹ	Dung		07/03/1993	Kinh	Quế Phong - Quế Sơn - Quảng Ngãi	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
76	Lê Thị Hương	Giang		17/11/1993	Kinh	Đức Lạc - Đức Thọ - Hà Tĩnh	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Tin B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
77	Nguyễn Thị	Hà		14/06/1985	Kinh	Yên Trị - Ý Yên - Nam Định	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
78	Dương Thị	Hằng		03/03/1994	Kinh	Yên Mỹ - Mỹ Văn - Hưng Yên	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
79	Hồ Thị	Hoài		09/06/1991	Kinh	Quỳnh Tam - Quỳnh Lưu - Nghệ An	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
80	Hóa Thị Hồng	Hường		18/08/1994	Kinh	Nga Thủy - Nga Sơn - Thanh Hóa	ĐHSP Tiểu học	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
81	Nguyễn Thị	Huyền		10/06/1997	Kinh	Nam Sơn - Đô Lương - Nghệ An	ĐHSP Tiểu học	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
82	H, Niêr	KBuôr		12/11/1987	Ê đê	TP Buôn Ma Thuật - Đắc Lắc	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Tin học Ứng dụng		DT	Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
83	Lê Thị	Lý		23/09/1992	Kinh	Vinh Xuân - Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
84	Rah Lan H'	Minh		22/12/1993	Jrai	Ia Pal - Chư Sê - Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Anh B	UDCN TTCB		DT	Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
85	Đinh Văn	Minh	20/12/1993		Kinh	Hưng Hòa - TP Vinh - Nghệ An	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
86	Nguyễn Thị	Muộn		06/08/1997	Kinh	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định	ĐHSP Tiểu học	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	

STT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
87	Châu Nhật Hoàng	My		12/08/1996	Kinh	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định	ĐHSP Tiểu học	Anh B1	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
88	Trần Thị Thiên	Nga		03/01/1997	Kinh	Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Tiểu học	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
89	Hồ Thị Minh	Nga		10/02/1997	Kinh	Lộc Hà - Phú Lộc - TT Huế	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
90	Trần Thị Thanh	Ngà		04/10/1996	Kinh	Yên Phương - Ý Yên - Nam Định	ĐHSP Tiểu học	Anh B1	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
91	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc		11/08/1995	Kinh	Yên Thắng - Yên Mô - Ninh Bình	ĐHSP Tiểu học	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
92	Đào Ý	Nhi		11/07/1998	Kinh	Cát Chánh - Phù Cát - Bình Định	ĐHSP Tiểu học	Anh A2	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
93	Phạm Thị Kim	Oanh		05/10/1994	Kinh	Gia Viễn - Ninh Bình	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
94	Nguyễn Thị Kim	Oanh		19/09/1998	Kinh	Ân Thi - Hưng Yên	ĐHSP Tiểu học	Anh B3/6	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
95	Rah Lan	Oeng		21/11/1992	Jrai	xã Dun - Chư Sê - Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng A		DT	Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
96	Lương Hoàng	Phúc	23/02/1997		Kinh	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định	ĐHSP Tiểu học	Anh B1	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
97	Lê Thị	Phương		01/09/1998	Kinh	Quảng Lưu - Quảng Xương - Thanh Hóa	ĐHSP Tiểu học	Anh B1	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
98	Rlan	PLôp		19/04/1996	Ba Na	Kông HTôk - Chư Sê - Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Anh A2	UDCN TTCB		DT	Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
99	Đinh H'	Por		14/03/1998	Ba Na	Kông HTôk - Chư Sê - Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Anh B1	UDCN TTCB		DT	Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
100	Nguyễn Thị Bảo	Quyên		13/06/1993	Kinh	Bình Sơn - Bình Phước - Quảng Ngãi	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
101	Nguyễn Thị	Thảo		22/12/1994	Kinh	Minh Sơn - Đô Lương - Nghệ An	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
102	Phạm Thị Minh	Thảo		28/05/1997	Kinh	Nhơn Phong - An Nhơn - Bình Định	ĐHSP Tiểu học	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
103	Nguyễn Thị Hoài	Thu		07/07/1992	Kinh	Quang Trung - Tứ Kỳ - Hải Dương	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
104	Đỗ Thị Anh	Thư		15/09/1995	Kinh	Mỹ Chánh - Phù Mỹ - Bình Định	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng B			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	

STT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
105	Bùi Thị Thanh	Tiến		13/09/1994	Mường	Ngỗ Luông - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng A		DT	Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
106	Ksor Thủy	Trang		09/10/1995	Jrai	Đức Cơ - Gia Lai	ĐHSP Tiểu học	Anh B1	Ứng dụng B		DT	Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
107	Phan Thị Ngọc	Trinh		23/04/1995	Kinh	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định	ĐHSP Tiểu học	Anh B	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
108	Nguyễn Thục	Trinh		11/06/1997	Kinh	Vĩnh Tân - Vĩnh Linh - Quảng Trị	ĐHSP Tiểu học	Anh B3/6	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
109	Nguyễn Thị	Vân		09/01/1993	Kinh	Phú Diên - Phú Vang - TT Huế	ĐHSP Tiểu học	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Tiểu học văn hóa, hạng III	V.07.03.29	
110	Nguyễn Thị Hồng	Gấm		22/12/1992	Kinh	Hành Dũng - Nghĩa Hành - Quảng Ngãi	ĐHSP Mĩ thuật	Anh B	Ứng dụng A			Giáo viên Tiểu học Mỹ Thuật, hạng III	V.07.03.29	
111	Võ Thị Bích	Thảo		20/04/1988	Kinh	An Nhơn - Bình Định	ĐHSP Tiếng Anh	Pháp B	Ứng dụng A			Giáo viên Tiểu học Tiếng Anh, hạng III	V.07.03.29	
112	Dương Công	Viên	25/06/1991		Kinh	Mỹ Lợi - Phù Mỹ - Bình Định	ĐHSP Tiếng Anh	Pháp B	UDCN TTCB			Giáo viên Tiểu học Tiếng Anh, hạng III	V.07.03.29	
113	Đinh Lâm	Hoàn	25/09/1998		Kinh	Vĩnh Thạnh - Tây Sơn - Bình Định	ĐHSP Tin	Anh B 2	ĐH Tin			Giáo viên THCS, hạng III	V.07.04.32	
114	Rah Lan	BLên	15/06/1989		Jrai	Đất Bằng - Krông Pa - Gia Lai	ĐHSP Hóa	Anh B	Ứng dụng B		DT	Giáo viên THCS, hạng III	V.07.04.32	
115	Lò Văn	Phước	26/03/1997		Thái	Phước Vân - Tuy Phước - Bình Định	ĐHSP Hóa	Anh Toeic 435	UDCNTTCB		DT	Giáo viên THCS, hạng III	V.07.04.32	
116	Biện Thị Thanh	Phương		20/11/1997	Kinh	Hương Khê - Hà Tĩnh	ĐHSP Hóa	Anh C	UDCN TTCB			Giáo viên THCS, hạng III	V.07.04.32	
117	Hoàng Thị Kim	Tuyết		12/03/1989	Kinh	Hưng Nguyên - Nghệ An	ĐHSP Hóa	Anh B	Kỹ thuật viên tin học ứng dụng			Giáo viên THCS, hạng III	V.07.04.32	

Danh sách này gồm có 117 người./.

UBND HUYỆN CHƯ SÊ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020

Địa chỉ dự tuyển: huyện Chư Sê, tỉnh Gia lai

(Kèm theo Thông báo số 06 / TB-HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên)

STT	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ đào tạo các mặt				Đối tượng ưu tiên	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*12*	*13*	*14*	*15*	*20*	*21*	*22*	*24*
1	Nguyễn Hồng	Bích		06/02/1992	Kinh	Quang Trung - Tứ Kỳ - Hải Dương	Đại học Tiếng Anh	Hàn Quốc A2	Ứng dụng B	NVSP (Chương trình ĐT 405 tiết)		Giáo viên Tiểu học Tiếng Anh, hạng III	V.07.03.29	Chứng chỉ NVSP không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm
2	Nguyễn Thị Diệu	Thư		20/11/1994	Kinh	Thanh Vân - Thanh Ba - Phú Thọ	Đại học Ngôn ngữ Anh	Pháp B	Ứng dụng B	NVSP (Bậc 2)		Giáo viên Tiểu học Tiếng Anh, hạng III	V.07.03.29	Chứng chỉ NVSP không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm
3	Hồ Thị	Tuyết		28/06/1990	Kinh	Vĩnh Sơn - Vĩnh Linh - Quảng Trị	ĐH Tin	Anh B	ĐH Tin	NVSP (Bậc 1 và bậc 2)		Giáo viên Tiểu học Tin học, hạng III	V.07.03.29	Chứng chỉ NVSP không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm

Danh sách này gồm có 03 người./.

UBND HUYỆN CHƯ SÊ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TÀI LIỆU, GIỚI HẠN ÔN TẬP

(Kèm theo Thông báo số: 06/TB-HĐTD ngày 12/4/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020)

A. MẦM NON

I. PHẦN SOẠN KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Phần này thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại Thực hiện Chương trình theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo; áp dụng phù hợp bối cảnh địa phương. Chú trọng về phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm.

1. Danh mục tài liệu ôn tập

- Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT, ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình giáo dục mầm non.
- Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non – Mẫu giáo 5-6 tuổi tái bản năm 2019 do TS. Lê Thu Hương - TS, Trần Thị Ngọc Trâm- PGS, TS, Lê Thị Ánh Tuyết đồng chủ biên; Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

2. Giới hạn cụ thể về số tiết ở từng môn học: *(đối tượng trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi).*

2.1. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: chủ đề: Xe đạp

+ Hoạt động âm nhạc: Dạy hát Xe đạp

+ Hoạt động tạo hình: Vẽ ô tô tải bằng bút chì; Gấp thuyền

2.2. Lĩnh vực phát triển ngôn, ngữ tình cảm – kỹ năng xã hội chủ đề: Mũ bảo hiểm, Biển báo

+ Hoạt động làm quen chữ cái: Làm quen chữ cái P,Q

+ Hoạt động làm quen văn học: Dạy thơ: Mẹ và bé. Kể truyện: Qua đường

+ Hoạt động ngoài trời: Chủ đề: Biển báo

2.3. Lĩnh vực phát triển nhận thức: chủ đề: Xe đạp

+ Hoạt động làm quen với toán: Tách gộp số lượng 8

+ Hoạt động khám phá khoa học: Khám phá xe đạp

2.4. Lĩnh vực phát triển vận động: Chủ đề: Mũ bảo hiểm

+ Hoạt động phát triển thể chất. Bật liên tục vào vòng (5-7 vòng) đường kính vòng 40cm.

3. Gợi ý soạn kế hoạch bài dạy (giáo án)

Lĩnh vực:.....

Chủ đề:.....
Tên Hoạt động:.....
Độ tuổi: .....
Thời gian: .....

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Kiến thức: .....
2. Kỹ năng: .....
3. Thái độ: .....

II. Chuẩn bi:

1. Chuẩn bị đồ dùng của cô: .....
2. Chuẩn bị đồ dùng của trẻ: .....
3. Chuẩn bị địa điểm, đội hình và nội dung tích hợp:

III. Tổ chức thực hiện:

1. Ổn định: .....
2. Nội dung: .....
3. Kết thúc: .....

II. PHẦN HIỂU BIẾT VỀ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

- Điều lệ Trường Mầm non ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Điều 34, 35, Điều 37 đến Điều 41).

- Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.

- Bộ tiêu chí xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm (kèm theo Kế hoạch số: 56/KH-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2018-2019 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Nội dung 3, trong chuyên đề: Rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay, của Tác giả: Thạc sĩ Nguyễn Thị Nga - Thạc sĩ Cù Thị Thủy.

- Tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2019-2020 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Hoạt động 6: Hướng dẫn xử lý tai nạn thương tích nhóm 3-đuối nước, bỏng, điện giật tại Nội dung 3, trong chuyên đề: Phòng chống và xử lý tai nạn thương tích cho trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non, của tác giả: Trịnh Thị Xim – Nguyễn Ngọc Hiền.

III. PHẦN XỬ LÝ TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM TRONG QUÁ TRÌNH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG VÀ GIÁO DỤC TRẺ

Xử lý tình huống sư phạm thường gặp trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non của nhóm tác giả: Viện nghiên cứu giáo dục. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam năm 2019.

B. TIỂU HỌC

I. PHẦN SOẠN KẾ HOẠCH BÀI DẠY (GIÁO ÁN)

Soạn một tiết dạy trên lớp theo môn thi trong chương trình tiểu học lớp 4 (Theo giới hạn chương trình từng môn học).

1. Danh mục tài liệu ôn tập

Sách giáo khoa, Sách bài tập, Vở tập vẽ, Hướng dẫn học Tin học, Sách giáo viên các môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Mĩ thuật, Tin học của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN)) của lớp 4. Lưu ý nội dung điều chỉnh giảm tải (nếu có) trong các bài được chọn theo hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học các môn học cấp tiểu học ban hành theo Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01/09/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và Công văn số 1920/SGDĐT-GDTH ngày 18/10/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung chương trình dạy học cấp tiểu học, soạn giảng theo định hướng phát triển năng lực học sinh;

Kỹ năng lập kế hoạch bài học theo hướng dạy học tích cực (Module TH 13, tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên cấp Tiểu học);

Một số phương pháp dạy học tích cực ở tiểu học (Module TH 15, tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên cấp Tiểu học).

2. Giới hạn cụ thể về số tiết ở từng môn học:

2.1. Đối với vị trí giáo viên văn hóa:

*** Môn: Toán (5 bài):**

TT	Môn	Tên bài	Sách giáo khoa	Trang	Ghi chú ND giảm tải (nếu có)
1	Toán	So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên	Toán 4 (NXBGDVN)	21-22	Bài 1 cột 2; bài 2 b; bài 3 b
2	Toán	Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó	Toán 4 (NXBGDVN)	47	Bài 3, 4
3	Toán	Luyện tập	Toán 4 (NXBGDVN)	131	Bài 2d ; Bài 4; Bài 5
4	Toán	Diện tích hình thoi	Toán 4 (NXBGDVN)	142-143	Bài 3
5	Toán	Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên	Toán 4 (NXBGDVN)	162	Giảm: Bài 1 (dòng 3); Bài 3; Bài 4 (dòng 2,3)

*** Môn: Tiếng Việt (5 bài):**

TT	Phân môn	Tên bài	Sách giáo khoa	Trang	Ghi chú ND giảm tải (nếu có)
1	Tập đọc	Hoa học trò	Tiếng Việt 4 Tập 2 (NXBGDVN)	43	

2	Tập đọc	Con chuồn chuồn nước	Tiếng Việt 4 Tập 2 (NXBGDVN)	127	
3	Chính tả	Thắng biển	Tiếng Việt 4 Tập 2 (NXBGDVN)	77	Bài 2: lựa chọn ý a hoặc b
4	Luyện từ và câu	Động từ	Tiếng Việt 4 Tập 1 (NXBGDVN)	93	
5	Tập làm văn	Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối	Tiếng Việt 4 Tập 2 (NXBGDVN)	30	

2.2. Đối với vị trí giáo viên Mĩ thuật (Môn: Mĩ thuật (10 bài)):

TT	Tên bài	Sách giáo khoa	Trang	Ghi chú (Nội dung điều chỉnh)
1	Vẽ theo mẫu: Vẽ hoa, lá	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	6	
2	Vẽ trang trí: Chép họa tiết trang trí dân tộc	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	11	Tập chép một họa tiết đơn giản
3	Vẽ tranh: Đề tài Phong cảnh quê hương	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	19	Tập vẽ tranh đề tài Phong cảnh
4	Vẽ trang trí: Trang trí đường diềm	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	32	
5	Vẽ tranh: Vẽ chân dung	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	36	Tập vẽ tranh đề chân dung
6	Vẽ tranh: Đề tài Ngày hội quê em	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	46	Tập vẽ tranh đề tài Ngày hội quê em
7	Vẽ tranh: Đề tài trường em	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	59	Tập vẽ tranh đề tài trường em
8	Thường thức Mĩ thuật: Xem tranh thiếu nhi	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	61	
9	Vẽ tranh: Đề tài An toàn giao thông	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	70	Tập vẽ tranh đề tài An toàn giao thông
10	Tập nặn tạo dáng: Đề tài Tự chọn	Mĩ thuật 4 (NXBGDVN)	72	

2.3. Đối với vị trí giáo viên Tiếng Anh (Môn Tiếng Anh 10 bài):

TT	Tên bài	Tiết... trong bài...	Sách giáo khoa	Trang	Ghi chú ND giảm tải (nếu có)
1	Unit 2: I'm from Japan. Lesson 1 (P 1,2,3)	1	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	12-13	
2	Unit4:When's your birthday? Lesson2 (P1,2,4)	2	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	26-27	
3	Unit5: Can you swim ? Lesson3 (P1,2,4)	3	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	34-35	
4	Unit6: Where's your school? Lesson1(P1,2,3)	1	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	40-41	
5	Unit8: What subjects do you have today? Lesson1 (P1,2,4)	1	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	52-53	
6	Unit9: What are they doing? Lesson 2 (P1,2,4)	2	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	60-61	
7	Unit10: Where were you yesterday? Lesson 1 (P1,2,3)	1	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	64-65	
8	Unit11: What time is it ? Lesson 1 (P1,2,3)	1	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	6 -7	
9	Unit13: Would you like some milk? Lesson 2 (P1,2,4)	2	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	20-21	
10	Unit17: How much is the T-shirt? Lesson 3 (P1,2,4)	3	Tiếng Anh 4 (NXBGDVN)	50-51	

2.4. Đối với vị trí giáo viên Tin học (Môn Tin học 10 bài):

TT	Chủ đề	Tên bài	Tiết... trong bài...	Sách giáo khoa	Trang	Ghi chú ND giảm tải (nếu có)
1	1. Khám phá máy tính	Bài 3: Làm quen với tệp	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	15	
2		Bài 6: Tìm kiếm thông tin từ Internet	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	25	
3	2. Em tập vẽ	Bài 2: Xoay hình, viết chữ lên hình vẽ	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	36	

4		Bài 4: Sao chép màu	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	43	
5	3. Soạn thảo văn bản	Bài 2: Chỉnh sửa hình, viết chữ lên hình	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	56	
6		Bài 4: Chèn và trình bày bảng trong văn bản	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	64	
7	4. Thiết kế bài trình chiếu	Bài 2: Sao chép nội dung từ phần mềm khác	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	81	
8		Bài 3: Tạo hiệu ứng cho văn bản trong trang trình chiếu	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	84	
9	5. Thế giới Logo	Bài 2: Các lệnh của Logo	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	103	
10		Bài 5: Sử dụng câu lệnh lặp	1	Hướng dẫn học Tin học lớp 4 (NXBGDVN)	117	

3. Gợi ý soạn kế hoạch bài dạy (Giáo án)

MÔN:.....- LỚP 4

BÀI:.....

I. Mục tiêu:

- Kiến thức:
- Kỹ năng:
- Thái độ:

II. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên:
- Học sinh:

III. Các hoạt động dạy học:

Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	1. Ổn định lớp 2. Kiểm tra bài cũ 3. Bài mới	

	3.1. Giới thiệu bài 3.2. Các hoạt động *Hoạt động 1:* *Hoạt động 2:* *Hoạt động 3:* ... 4. Củng cố 5. Dặn dò	....

Lưu ý: Trong Kế hoạch bài dạy

- Cần thể hiện rõ các hoạt động của giáo viên, học sinh và đặc trưng của môn học.

- Cần thiết kế linh hoạt, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế.

- Thể hiện tính sáng tạo, đổi mới trong việc vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh Tiểu học.

** Đối với phần thi soạn Kế hoạch bài dạy, Hội đồng thi sẽ sao in nội dung bài học trong sách giáo khoa hoặc nội dung kiến thức liên quan để thí sinh sử dụng vào việc soạn bài. Thí sinh không được mang sách giáo khoa vào phòng thi.*

II. PHẦN BÀI TẬP VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CỦA MÔN THI

Vận dụng kiến thức chuyên môn giải và hướng dẫn học sinh giải quyết bài tập để kiểm tra kiến thức môn học hoặc một vấn đề về chuyên môn của môn học (theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông). Riêng vị trí giáo viên văn hóa có thể giải và hướng dẫn học sinh giải bài tập Toán hoặc Tiếng Việt hoặc cả bài tập Toán và Tiếng Việt của lớp 4, lớp 5 theo chương trình hiện hành.

III. PHẦN XỬ LÝ TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC, GIÁO DỤC

- Kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm (Module TH 36, tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên cấp Tiểu học).

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

C. TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. PHẦN SOẠN KẾ HOẠCH BÀI DẠY (Giáo án):

Phần này thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 4, Ban hành kèm theo Công văn số 2580/SGDĐT-GDTrH, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Sở

Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Chú trọng về phương pháp dạy học tích cực; những đặc trưng cơ bản của phương pháp dạy học tích cực; bản chất, quy trình của phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề.

1. Danh mục tài liệu ôn tập

- Chuẩn kiến thức, kỹ năng bộ môn trung học cơ sở hiện hành.
- Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng bộ môn trung học cơ sở hiện hành.
- Sách giáo khoa lớp 8, Sách bài tập lớp 8 hiện hành (có giới hạn các bài trong phần soạn giáo án).
- Công văn số 790/SGDĐT-GDTrH ngày 10/5/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn xây dựng chương trình giáo dục nhà trường và đổi mới soạn giảng bậc trung học.
- Công văn số 1790/SGDĐT-GDTrH ngày 05/10/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên trung học từ năm học 2017-2018.
- Công văn số 3280/BGDĐT- GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- Công văn số 2580/SGDĐT-GDTrH, ngày 31/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Phương pháp dạy học tích cực (Module THCS18, tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên cấp THCS);

2. Giới hạn cụ thể về số bài, tiết từng môn

2.1. Môn Hóa học:

TT	Bài	Tiết... trong bài...	Tên bài	Giảm tải (nếu có)	Ghi chú
1	Bài 9	1 tiết	Công thức hóa học		Lớp 8
2	Bài 15	1 tiết	Định luật bảo toàn khối lượng		Lớp 8
3	Bài 18	1 tiết	Mol		Lớp 8
4	Bài 19	1 tiết	Chuyển đổi giữa khối lượng, thể tích và lượng chất		Lớp 8

5	Bài 20	1 tiết	Tỉ khối của chất khí		Lớp 8
6	Bài 25	1 tiết	Sự oxi hóa- phản ứng hóa hợp- ứng dụng của oxi		Lớp 8
7	Bài 26	1 tiết	Oxit		Lớp 8
8	Bài 37	1 tiết	Axit – Bazơ - Muối		Lớp 8
9	Bài 40	1 tiết	Dung dịch		Lớp 8
10	Bài 41	1 tiết	Độ tan của một chất trong nước		Lớp 8

Ghi chú: Sách giáo khoa Hóa học 8 - NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2020.

2.2. Môn Tin học:

TT	Bài	Tiết... trong bài...	Tên bài	Giảm tải (nếu có)	Ghi chú
1	Bài 1	Tiết 1/1	Máy tính và chương trình máy tính		Dạy cả bài
2	Bài 2	Tiết 1/2	Làm quen với chương trình và ngôn ngữ lập trình		Tiết thứ nhất dạy các nội dung mục 1, 2,3
3	Bài 2	Tiết 2/2	Làm quen với chương trình và ngôn ngữ lập trình		Tiết thứ hai dạy các nội dung mục 4
4	Bài 3	Tiết 1/2	Chương trình máy tính và dữ liệu		Tiết thứ nhất dạy các nội dung mục 1, 2, 3
5	Bài 3	Tiết 2/2	Chương trình máy tính và dữ liệu		Tiết thứ nhất dạy các nội dung mục 4
6	Bài 4	Tiết 1/2	Sử dụng biến và hằng trong chương trình		Tiết thứ nhất dạy các nội dung mục 1, 2, 3, 4 (ở mức độ biết và hiểu)
7	Bài 6	Tiết 1/2	Câu lệnh điều kiện		Tiết thứ nhất dạy các nội dung mục 1, 2, 3
8	Bài 6	Tiết 2/2	Câu lệnh điều kiện		Tiết thứ nhất dạy các nội dung 4
9	Bài 7	Tiết 1/2	Câu lệnh lặp		Tiết thứ nhất dạy các nội dung mục 1,2
10	Bài 8	Tiết 1/2	Lặp với số lần chưa biết trước		Tiết thứ nhất dạy các nội dung mục 1

Ghi chú: Tài liệu Sách Tin học dành cho THCS - Quyển 3 (lớp 8), NXB Giáo dục Việt Nam, tái bản lần thứ mười hai, năm 2020.

Lưu ý: *Đối với phần thi soạn giáo án, Hội đồng thi sẽ sao in nội dung bài học trong sách giáo khoa hoặc nội dung kiến thức liên quan để thí sinh sử dụng vào việc soạn bài. Thí sinh không được mang sách giáo khoa vào phòng thi.*

3. Gợi ý soạn kế hoạch bài dạy (Giáo án)

Phụ lục 4

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số 2580/SGDĐT-GDTrH ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT tỉnh Gia Lai)

TÊN BÀI DẠY: .....

Môn học/Hoạt động giáo dục: .....; lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lí tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành…) để xác

định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lí tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 *(Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).*

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.

d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.

c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

b) Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

c) Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

d) Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.

Ghi chú:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/.

3. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.

4. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện; giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ học sinh phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức tổ chức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của giáo viên).

- Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kĩ năng để học sinh ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà học sinh phải thực hiện tiếp theo./.

II. PHẦN BÀI TẬP VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CỦA MÔN THI

- Kiến thức chuyên môn dạy môn Hóa học cấp trung học cơ sở;
- Giải và hướng dẫn học sinh giải một số bài tập Hóa học cấp trung học cơ sở. (Tập trung vào chương trình lớp 8, 9 hiện hành)
- Kiến thức chuyên môn dạy môn Tin học cấp trung học cơ sở.
- Giải và hướng dẫn học sinh giải một số bài tập Tin học cấp trung học cơ sở (Tập trung vào chương trình lớp 7,8 hiện hành).

1. Danh mục tài liệu ôn tập môn Hóa học

- Sách giáo khoa, sách bài tập Hóa học 8,9 – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, năm 2018.
- Sách giáo viên Hóa học 8,9 – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bồi dưỡng Hóa học trung học cơ sở - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, năm 2017.
- Tuyển chọn đề thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên môn Hóa học – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, năm 2013.
- Phương pháp dạy học tích cực (Module THCS18, tài liệu bôi dưỡng thường xuyên cấp THCS);

2. Danh mục tài liệu ôn tập môn Tin học

- Sách giáo khoa, sách bài tập Tin học dành cho THCS quyển 2 - NXB Giáo dục Việt Nam (Tái bản lần thứ 13), năm 2020;
- Sách giáo khoa, sách bài tập Tin học dành cho THCS quyển 3 - NXB Giáo dục Việt Nam (Tái bản lần thứ 12), năm 2020;
- Sách giáo viên Tin học lớp 7, 8;
- Giải thuật và lập trình - Tác giả: Lê Minh Hoàng - Đại học Sư phạm Hà Nội, xuất bản năm 2003;
- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ môn Tin học lớp 7 - NXB Giáo dục Việt Nam (Tái bản lần thứ nhất), năm 2008;
- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ môn Tin học lớp 8 - NXB Giáo dục Việt Nam (Tái bản lần thứ nhất), năm 2010;

III. PHẦN XỬ LÝ TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC, GIÁO DỤC.

- Giải quyết tình huống sư phạm trong công tác chủ nhiệm (Module THCS 33 tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cấp trung học cơ sở).
-Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo./.